

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN VNNLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN VNNLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108688712

**3. Ngày thành lập:** 05/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12, hẻm 4, ngách 182, ngõ 192, đường Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                        | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                  | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                             | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                 | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                      | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                        | 4229     |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                               | 4299     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                   | 4311     |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                        | 4312     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                    | 4321     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí    | 4322     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                           | 4329     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                           | 4330     |
| 14. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                      | 4390     |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                | 5510     |
| 16. | Cơ sở lưu trú khác                                                       | 5590     |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                         | 5610     |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | 5621     |
| 19. | Dịch vụ ăn uống khác                                                     | 5629     |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                  | 5630     |
| 21. | Quảng cáo                                                                | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                               | 7990        |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) | 6820(Chính) |
| 25. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                | 4649        |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 29. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                              | 4711        |
| 31. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                | 4719        |
| 32. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                 | 4721        |
| 33. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4722        |
| 34. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4723        |
| 35. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                               | 4724        |
| 36. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4751        |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4752        |
| 38. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4753        |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4759        |
| 40. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4763        |
| 41. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                  | 4771        |
| 42. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4772        |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, tem và tiền kim khí)                                                                                                                             | 4773        |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                               | 4774        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                 | 4781 |
| 46. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                         | 4782 |
| 47. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                         | 4784 |
| 48. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; Kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí) | 4789 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI HỒNG VŨ | Căn hộ số 3105-Tòa C, Khu đô thị Kim Văn- Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    | 001086008977                                                                                |         |
|     |             |                                                                                                              | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ HUỆ  | Căn hộ số 3105-Tòa C, Khu đô thị Kim Văn- Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 17.500     | 175.000.000           | 35,000    | 063111263                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                                              | Tổng số           | 17.500     | 175.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ HỮU SÁU  | Xóm 1, thôn Phú Thịnh, Xã Phú Nhuận, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông | 12.500     | 125.000.000           | 25,000    | 063235307                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                                              | Tổng số           | 12.500     | 125.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI HỒNG VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086008977

Ngày cấp: 29/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ số 3105-Tòa C, Khu đô thị Kim Văn- Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 3105-Tòa C, Khu đô thị Kim Văn- Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội